Unit 1. My hobby

SPEAKING

Act as…… | Đóng vai……

1. P8/GS/A1

Act as…..	*Trang:*	*Ann:*
Ann:	Your house is very nice, Trang.	
Trang:	Thanks! Let's go upstairs. I'll show you my room.	
Ann:	I love your dollhouse. It's amazing. Did you make it yourself?	
Trang:	Yes. I like building dollhouses very much.	
Ann:	Really? Is it hard to build one?	
Trang:	Not really. All you need is some cardboard and glue. Then just use a bit of creativity. What do you do in your free time?	
Ann:	I like horse riding.	
Trang:	That's rather unusual. Not many people do that.	
Ann:	Actually, it's more common than you think. There are some horse riding clubs in Ha Noi now. I go to the Riders' Club every Sunday.	
Trang:	I'd love to go to your club this Sunday. I want to learn how to ride.	
Ann:	Sure. My lesson starts at 8 a.m.	

LIVEWORKSHEETS

2. P14/SK1/Reading/A2

People divide hobbies into four big groups: doing things, making things, collecting things, and learning things . Gardening belongs to the most popular group - doing things .

Gardening is one of the oldest outdoor activities . It has something for everyone, even for children . Gardening teaches children about flowers, fruits, and vegetables . They can also learn about insects and bugs . When gardening, children learn to be patient and take on responsibility . They learn to wait for the plants to grow to maturity . And if they don't water their plants, their plants will die . This teaches them valuable lessons about responsibility .

Gardening is also good because everyone in the family can join in and do something together . My mum and I love gardening . We usually spend an hour a day in our garden . It really makes us happy, and we love spending time together .

***Complete each sentence with no more than three words.**

1) Gardening belongs to the group of doing things.
2) Gardening teaches children about flowers, fruits, vegetables, insects and bugs.
3) Gardening makes children become patient and responsible.
4) It is an activity that everyone in the family can join in
5) The author and her mother usually garden for an hour a day.

LIVEWORKSHEETS

Act as…..	*Trang:*	*Lan:*
Lan:	Today we'll talk about hobbies. I know that your hobby is building dollhouses. It's quite unusual, isn't it?	
Trang:	Not really. A lot of girls like it.	
Lan:	When did you start doing this?	
Trang:	Three years ago. I read an article about building dollhouses. I loved the idea right away.	
Lan:	Do any of your friends or relatives build dollhouses too?	
Trang:	Yes, my cousin Mi loves building them too.	
Lan:	Is it hard to build a dollhouse?	
Trang:	No, it isn't. I use cardboard and glue to build the house and make the furniture. Then I make the dolls from cloth. Finally, I decorate the house.	
Lan:	What are the benefits of the hobby?	
Trang:	Well, I'm more patient and creative now.	

***NOTE**

1

• very	(adv)	rất
• nice = beautiful = pretty	(adj)	đẹp
• Let's…		Hãy
• upstairs	(adv)	lên tầng, lên cầu thang, ở tầng trên
	(adj)	ở tầng trên
	(n)	gác, lầu, tầng trên

LIVEWORKSHEETS

• show	(v)	chỉ, cho xem, cho thấy, trưng bày...
• dollhouse(s)	(n)	nhà búp bê
• amazing = wonderful = great	(adj)	tuyệt vời
• make	(v)	làm, tạo
• yourself	(pro.n)	tự bạn, chính bạn
• very much	(adv.phrase)	rất nhiều
• really	(adv)	thực, thật, thực ra
• Really?		Thật không?
• hard = difficult = tough	(adj)	khó, khó khăn,
• one	(pro,n)	cái đó, người đó
• Not really.		Không hẳn là thế.
• all	(pro.n)	tất cả
• some	(deter)	một vài, một số, một chút
• cardboard	(n)	bìa cứng, bìa cát tông
• glue	(n)	keo dán
• then	(adv)	sau đó
• just	(adv)	chỉ, đơn giản là
• a bit of...	(deter)	một chút...
• creativity	(n)	sự sáng tạo
• that	(pro.n)	cái đó, điều đó
• rather = quite = pretty	(adv)	khá, hơi

LIVEWORKSHEETS

• unusual	(adj)	lạ, khác thường
• actually	(adv)	thực sự
• common	(adj)	phổ biến, chung
• every	(deter)	mỗi, mọi
• this.....	(deter)	.....này
• every Sunday	(n.phrase)	mỗi Chủ Nhật
• this Sunday	(n.phrase)	Chủ Nhật này
• learn how to do sth	(v)	học cách làm gì đó
• Sure.		Chắc chắn rồi.
• lesson(s)	(n)	bài học, lời khuyên
• start = begin	(v)	bắt đầu

2

• divide sth into sth	(v)	chia cái gì đó thành...
• group(s)	(n)	nhóm
• thing(s)	(n)	thứ, cái, đồ, vật, việc
• belong to...	(v)	thuộc về...
• popular	(adj)	phổ biến, nổi tiếng
• oldest	(adj)	lâu đời nhất, già nhất, cũ nhất
• outdoor	(adj)	ngoài trời, ở ngoài
• activity/activities	(n)	hoạt động
• something	(pro.n)	cái/điều/việc gì đó

LIVEWORKSHEETS

• for sb/sth	(prep)	phù hợp với...
• everyone = everybody	(pro.n)	mọi người, mỗi người
• even	(adv)	thậm chí
• child/children	(n)	đứa trẻ, đứa con
• teach sb about sth	(v)	dạy ai đó cái gì đó
• flower(s)	(n)	hoa
• fruit(s)	(n)	trái cây
• vegetables	(n)	rau
• insect(s)	(n)	côn trùng
• bug(s)	(n)	sâu bọ
• to be/V	(prep)	để.....
• patient	(adj)	kiên nhẫn
• take on responsibility (for sth)	(v.phrase)	chịu/có trách nhiệm
• responsible (for sth)	(adj)	
• wait for sb/sth	(v.phrase)	chờ/đợi ai đó/cái gì đó
• grow	(v)	lớn lên, trưởng thành
• maturity	(n)	sự trưởng thành
• grow to maturity	(v.phrase)	lớn lên cho đến khi trưởng thành
• if	(conj)	nếu
• water	(v)	tưới nước
• die	(v)	chết, mất, qua đời

LIVEWORKSHEETS

• this	(pro.n)	điều này, cái này, việc này
• they/them	(pro.n)	họ
• valuable = helpful	(adj)	bổ ích, có ích
• about...	(prep)	về...
• responsibility/responsibilities	(n)	trách nhiệm, sự chịu trách nhiệm
• also	(adv)	cũng
• join in	(v.phrase)	tham gia vào
• together	(adv)	nhau, cùng nhau, lẫn nhau, với nhau
• spend	(v)	dành, tiêu, xài
• make sb + adj	(v)	khiến/làm ai đó như thế nào đó
• author(s)	(n)	tác giả

3

• know	(v)	biết
• that...	(conj)	rằng...
• article(s)	(n)	bài báo
• idea(s)	(n)	ý tưởng, ý kiến
• right away	(adv.phrase)	ngay lập tức, ngay tức thì
• any (of)...	(deter)	bất kỳ.....
• ...too	(adv)	cũng
• cousin(s)	(n)	anh/chị/em họ
• furniture	(n)	nội thất

LIVEWORKSHEETS

• from...	(prep)	từ...
• cloth	(n)	vải
• finally	(adv)	cuối cùng
• decorate	(v)	trang trí
• benefit(s)	(n)	lợi ích, phúc lợi
• well	(filler)	(không có nghĩa)
• creative	(adj)	sáng tạo

LIVEWORKSHEETS